

Số: /ĐA-UBND

Vĩnh Châu, ngày tháng 01 năm 2025

**ĐỀ ÁN**  
**SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN**  
**THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18 ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng, gợi ý một số nội dung về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Công văn số 05/CV-BCDDTKNQ18 ngày 12 tháng 01 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về việc bổ sung hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Công văn số 7968/BNV-CCVC ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Bộ Nội vụ về định hướng xây dựng phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo chế độ hợp đồng lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 118-KH/TU ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;

Căn cứ Công văn số 01-CV/BCĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XII, tỉnh Sóc Trăng về việc sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tỉnh;

Căn cứ Công văn số 4162/UBND-TH ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc chủ động thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Công văn số 4262/UBND-TH ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Công văn số 120/UBND-TH ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18 về bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức bộ máy;

Căn cứ Đề án tổng thể số 03-ĐA/TU ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Thị ủy Vĩnh Châu về sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị của thị xã Vĩnh Châu tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã với các nội dung như sau:

## PHẦN I

### SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THỰC TRẠNG VIỆC SẮP XẾP, KIẾN TOÀN, TỔ CHỨC LẠI CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

#### I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

##### 1. Khái quát đặc điểm

Thị xã Vĩnh Châu nằm ở ven biển phía Nam tỉnh Sóc Trăng, có vị trí địa lý từ 9,022' đến 9,024' vĩ độ Bắc và từ 106,005' đến 106,042' kinh độ Đông. Phía Đông và phía Nam giáp biển Đông, phía Tây giáp tỉnh Bạc Liêu, phía Bắc giáp huyện Mỹ Xuyên và huyện Trần Đề tỉnh Sóc Trăng; chiều dài bờ biển trên 43km, diện tích tự nhiên 46.870 ha, trong đó, diện tích đất nông nghiệp chiếm 80,88%, đất phi nông nghiệp chiếm 19,12%. Thị xã có 12 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và 10 đơn vị hành chính cấp xã (04 phường, 06 xã) có 58 ấp, 39 khóm với tổng số dân 207.770 người, mật độ dân số 439 người/km<sup>2</sup>; gồm các dân tộc: Kinh 69.823 người (chiếm 33,61%), Khmer 110.126 người (chiếm 53,00%), Hoa 27.821 người (chiếm 13,39%). Kinh tế thế mạnh của địa phương tập trung ở các ngành nông nghiệp, thủy sản, thương mại và dịch vụ.

##### 2. Sự cần thiết

###### 2.1. Cơ sở thực tiễn

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu do Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu bầu, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân thị xã, Hội đồng nhân dân thị xã và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. Hiện Ủy ban nhân dân thị xã có 12 cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực tại địa phương, gồm: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tư pháp, Thanh tra, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi

trường, Phòng Dân tộc, Phòng Giáo dục và Đào tạo. Cơ quan chuyên môn là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thị xã; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã và theo quy định của pháp luật; góp phần bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực công tác ở địa phương. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Việc tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phải bảo đảm phù hợp với đặc điểm, điều kiện, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm tinh gọn, hợp lý, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực từ trung ương đến cơ sở; không trùng lặp với nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước cấp trên đặt tại địa bàn.

## 2.2. Cơ sở chính trị

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị.

Căn cứ Kế hoạch số 118-KH/TU ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

Căn cứ Công văn số 01-CV/BCĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XII, tỉnh Sóc Trăng về việc sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tỉnh;

Căn cứ Công văn số 120/UBND-TH ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18 về bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức bộ máy;

Căn cứ Đề án tổng thể số 03-ĐA/TU ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Thị ủy Vĩnh Châu về sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị của thị xã Vĩnh Châu tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

## 2. Các cơ sở pháp lý

- Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

- Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

- Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

- Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

- Thông tư số 15/2021/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải: Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Thông tư số 03/2022/TT-BXD của Bộ Xây dựng: Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 09 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 03/2021/TT-BNG ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18, ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng, gợi ý một số nội dung về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

- Công văn số 05/CV-BCDDTKNQ18 ngày 12 tháng 01 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về việc bổ sung hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

- Công văn số 7968/BNV-CCVC ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Bộ Nội vụ về định hướng xây dựng phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo chế độ hợp đồng lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính;

- Công văn số 4162/UBND-TH ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc chủ động thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

- Công văn số 4262/UBND-TH ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Sóc Trăng;

- Công văn số 120/UBND-TH ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện Công văn số 05/CV-BCDDTKNQ18 về bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức bộ máy.

## **II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

### **1. Thực trạng về cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và biên chế**

#### *1.1. Chức năng, nhiệm vụ*

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu có chức năng quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn thị xã về các hoạt động kinh tế, xã hội của thị xã. Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Điều hành công việc hành chính, tổ chức thi hành các văn bản pháp luật của cấp trên và các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thị xã.

Ủy ban nhân dân thị xã chịu trách nhiệm tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng nhân dân thị xã về các vấn đề phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác tại địa phương. Ban hành các quyết định, chỉ thị, thông báo, quy chế, kế hoạch, chương trình nhằm thực hiện các nghị quyết, chính sách của Hội đồng nhân dân thị xã và của cấp trên. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý tài chính, ngân sách nhà nước trong phạm vi huyện, quản lý các nguồn thu, chi ngân sách, tổ chức đầu tư phát triển, bảo vệ môi trường. Xây dựng và tổ chức thực hiện bộ máy hành chính, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, đồng thời thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức. Đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; tổ chức công tác phòng, chống tội phạm, tai nạn giao thông, bảo vệ quyền lợi của công dân. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ, lao động, việc làm, bảo vệ quyền lợi của người dân. Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tổ chức và công dân.

#### *1.2. Cơ cấu, tổ chức*

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu bao gồm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã và các ủy viên do Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu bầu ra.

Ủy ban nhân dân thị xã có 12 cơ quan chuyên môn, gồm: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tư pháp, Thanh tra, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Dân tộc, Phòng Giáo dục và Đào tạo. Cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực tại địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã và theo quy định của pháp luật; góp phần bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực công tác ở địa phương. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân cấp thị xã, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

### *1.3. Biên chế*

Trên cơ sở số lượng biên chế được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã đã xem xét và phân bổ biên chế cho các cơ quan chuyên môn theo quy định. Trong năm 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã đã ban hành quyết định giao 84 biên chế công chức và 10 chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ<sup>1</sup>.

Tính đến ngày 01/01/2025, số lượng cán bộ, công chức hiện có mặt tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã là 80/84 người và 10/10 hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ<sup>2</sup>, trong đó: cán bộ lãnh đạo quản lý Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các Ban Hội đồng nhân dân 08 người và công chức là 72 người, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP là 10 người.

## **III. ĐÁNH GIÁ**

### **1. Ưu điểm, thuận lợi**

Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, đặc biệt là sự chỉ đạo trực tiếp của Thị ủy và sự thống nhất thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị cùng với sự quyết tâm tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính

---

<sup>1</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>2</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

quyền và các cơ quan trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW<sup>3</sup> và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Thị ủy về tổ chức bộ máy.

Cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, đơn vị đều nhận thức được tầm quan trọng của việc sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, góp phần giảm bớt sự chồng chéo và chồng chéo trong chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, giúp tiết kiệm ngân sách, tăng cường hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực quản lý hành chính nhà nước.

Thông qua kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, trong thời gian qua, đều được sự đồng thuận từ các tổ chức, cá nhân tại các đơn vị được sắp xếp; các cơ quan sau sắp xếp lại hoạt động có hiệu quả; chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sau khi kết thúc hoạt động được chuyển giao sang đơn vị khác đảm bảo được tiếp tục thực hiện, không ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan.

## **2. Khó khăn, hạn chế và những tồn tại**

Mặc dù đã có sự tinh gọn, tuy nhiên, tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ vẫn còn tồn tại, dẫn đến việc phân công nhiệm vụ chưa rõ ràng, gây khó khăn trong công tác điều hành và quản lý. Trong quá trình tinh giản, tình trạng thừa cán bộ nhưng lại thiếu nhân sự có năng lực, trình độ chuyên môn của từng vị trí việc làm. Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan phải thực hiện tinh giản biên chế thừa, khiến không ít cán bộ, công chức lo ngại về vị trí công tác, ảnh hưởng đến tinh thần và hiệu suất làm việc.

## **3. Nguyên nhân của những hạn chế và những tồn tại**

Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa chủ trương của Đảng thuộc Bộ ngành trung ương và cấp tỉnh đôi lúc chưa kịp thời, đồng bộ, nhiều quy định khi ban hành phải sửa đổi, bổ sung liên tục, gây không ít khó khăn trong tổ chức thực hiện việc cơ cấu, tổ chức lại chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn. Chưa có cơ chế đánh giá cụ thể và minh bạch về hiệu quả sau khi sắp xếp dẫn đến khó khăn trong việc đo lường kết quả thực hiện. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới, dẫn đến việc tổ chức bộ máy chưa thực sự hiệu quả sau khi sắp xếp. Sự thay đổi trong tổ chức bộ máy thường gặp phải sự phản kháng từ một số cá nhân lo ngại ảnh hưởng đến vị trí và quyền lợi.

---

<sup>3</sup> Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.



**PHẦN II.**  
**SẮP XẾP, KIẾN TOÀN LẠI CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN**  
**THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

**A. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, QUAN ĐIỂM**

**I. MỤC TIÊU**

- Sắp xếp, kiện toàn tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã tinh gọn, phù hợp, khoa học, chặt chẽ, phát huy tính liên thông liên tục trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa các cơ quan đơn vị; nâng cao được hiệu lực, hiệu quả hoạt động, phù hợp với định hướng của Đảng, Nhà nước và nhân dân với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới; cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại.

- Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại phải phù hợp, bảo đảm tính liên thông giữa các cơ quan, góp phần tinh giản biên chế, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan.

**II. NGUYÊN TẮC, QUAN ĐIỂM**

Bám sát định hướng sắp xếp, kiện toàn theo yêu cầu Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Phương án số 01-PA/BCSD ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Kế hoạch số 118-KH/TU, ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Đề án tổng thể số 03-ĐA/TU ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Thị ủy Vĩnh Châu về sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị của thị xã Vĩnh Châu tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Trong thời gian sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã không ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn.

Sắp xếp, kiện toàn lại cơ quan chuyên môn đảm bảo đúng nguyên tắc, chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước; việc tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã phải bảo đảm phù hợp với đặc điểm, điều kiện, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm tinh gọn, hợp lý, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực từ trung ương đến cơ sở.

Sắp xếp, kiện toàn lại các cơ quan chuyên môn phải bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông; kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới của từng cơ quan; gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công

chức, viên chức của từng cơ quan trên cơ sở yêu cầu vị trí việc làm, đảm bảo đủ nguồn lực thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan sau khi sắp xếp, nhất là đối với người đứng đầu và có cơ chế, chính sách phù hợp đối với những người chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp, bố trí tinh gọn bộ máy, biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức.

### **III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG**

#### **1. Phạm vi**

Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đối với 09 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, gồm: Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Văn hóa và Thông tin, Quản lý Đô thị, Dân tộc, Giáo dục và Đào tạo.

#### **2. Đối tượng**

- Tất cả các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã.
- Tất cả biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã.
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

### **B. SẮP XẾP, KIẾN TOÀN TỔ CHỨC LẠI CÁC CƠ QUAN**

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW<sup>4</sup>, Phương án số 01-PA/BCSD<sup>5</sup>, Kế hoạch số 118-KH/TU<sup>6</sup>, Công văn số 120/UBND-TH<sup>7</sup>, Đề án tổng thể số 03-ĐA/TU<sup>8</sup> và trên cơ sở rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân thị xã xây dựng Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, cụ thể như sau:

#### **I. DUY TRÌ CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ**

Duy trì 03 cơ quan chuyên môn, gồm:

- Thanh tra thị xã;

<sup>4</sup> Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

<sup>5</sup> Phương án số 01-PA/BCSD, ngày 13/12/2024 của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

<sup>6</sup> Kế hoạch số 118-KH/TU, ngày 29/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

<sup>7</sup> Công văn số 120/UBND-TH ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18 về bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức bộ máy.

<sup>8</sup> Đề án tổng thể số 03-ĐA/TU ngày 27/12/2024 của Thị ủy Vĩnh Châu về sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị của thị xã Vĩnh Châu tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Phòng Tư pháp.

**II. HỢP NHẤT PHÒNG LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI VÀ PHÒNG NỘI VỤ THÀNH PHÒNG NỘI VỤ** (trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Phòng Nội vụ và tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ về lao động, tiền lương; việc làm; người có công; an toàn, vệ sinh lao động; bảo hiểm xã hội; bình đẳng giới từ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

### **1. Thực trạng tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ**

#### *1.1. Thực trạng về cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và biên chế*

- Về chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tín ngưỡng, tôn giáo; công tác thanh niên; thi đua - khen thưởng.

- Về cơ cấu tổ chức: Gồm 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và 03 công chức chuyên môn.

- Tổng số biên chế được giao năm 2025<sup>9</sup>: 06 biên chế công chức.

- Tổng số biên chế có mặt: 05 công chức.

#### *1.2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

- Nơi làm việc: Phòng Nội vụ được bố trí làm việc trong Khu hành chính UBND thị xã, tổng diện tích sử dụng khoảng 60m<sup>2</sup>.

- Về trang thiết bị phục vụ hiện có 07 bộ bàn ghế làm việc; 05 bộ máy vi tính, 01 máy tính xách tay, 07 máy in, 09 tủ đựng hồ sơ, 01 bộ bàn tiếp khách và 06 chiếc ghế.

#### *1.3. Về tài chính và cơ chế tài chính*

Tổng kinh phí được giao năm 2025<sup>10</sup> là 2.076.000.000 đồng (trong đó: kinh phí tự chủ: 1.235.000.000 đồng, kinh phí không tự chủ: 841.000.000 đồng).

<sup>9</sup> Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu năm 2025.

<sup>10</sup> Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025.

## **2. Thực trạng tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**

### *2.1. Thực trạng về cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và biên chế*

- Về chức năng, nhiệm vụ: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: việc làm; giáo dục nghề nghiệp; lao động, tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp); an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội.

- Về cơ cấu tổ chức: Gồm 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 02 công chức chuyên môn, 01 nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>11</sup> và 02 viên chức (thuộc Ban xóa đói giảm nghèo).

- Tổng số biên chế được giao năm 2025 là 08, trong đó: biên chế công chức 05, viên chức 02, nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>12</sup>.

- Tổng số biên chế hiện có: 05 công chức, 01 viên chức, 01 nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>13</sup>.

### *2.2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

- Nơi làm việc: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội được bố trí làm việc trong Khu hành chính Ủy ban nhân dân thị xã thị xã.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, gồm: 08 bộ máy vi tính để bàn (trong đó: 04 bộ còn hạn sử dụng do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng cấp; 04 bộ đã hết thời gian sử dụng, đang chờ thanh lý). 07 máy in, 01 máy scan, 01 máy photocopy, 04 máy tính xách tay, 10 bộ bàn ghế làm việc, 02 bàn tiếp khách, 03 tủ kệ đựng hồ sơ lưu trữ.

### *2.3. Về tài chính và cơ chế tài chính*

Tổng kinh phí được giao năm 2025<sup>14</sup> là 54.800.000.000 đồng (trong đó: kinh phí tự chủ: 1.271.000.000 đồng, kinh phí không tự chủ: 53.529.000.000 đồng).

Phần kinh phí năm 2025 do Trung ương ủy quyền thực hiện chính sách người có công do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng cấp (nguồn cấp 1) chưa được phân bổ.

<sup>11</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>12</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>13</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>14</sup> Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025.

### **3. Loại hình tổ chức sau khi tổ chức lại và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đơn vị**

#### *3.1. Loại hình và tên gọi của tổ chức hành chính*

- Loại hình tổ chức: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Tên gọi tổ chức: Phòng Nội vụ thị xã Vĩnh Châu.

#### *3.2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức hành chính*

- Phòng Nội vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã và theo quy định của pháp luật; góp phần bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực công tác ở địa phương.

- Phòng Nội vụ thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; công tác thanh niên; thi đua - khen thưởng; việc làm, lao động, tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp); an toàn lao động; người có công; bình đẳng giới trên địa bàn thị xã.

- Phòng Nội vụ thị xã có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được dự toán kinh phí để hoạt động và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

#### *3.3. Dự kiến cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức theo vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức*

##### a) Cơ cấu tổ chức

- Công chức lãnh đạo, quản lý: 01 Trưởng phòng, 03 Phó Trưởng phòng,

- Công chức chuyên môn: 05 công chức.

- Nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>15</sup>: 01 người lao động.

##### b) Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch theo vị trí việc làm

<sup>15</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu cụ thể của Phòng Nội vụ được xác định cụ thể sau khi đơn vị ổn định tổ chức bộ máy và xây dựng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP<sup>16</sup> và các Thông tư chuyên ngành.

### c) Về biên chế

Sau khi tổ chức lại Phòng Nội vụ có 10 biên chế, gồm: 06 biên chế công chức thuộc Phòng Nội vụ và 03 biên chế công chức, 01 hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>17</sup> thuộc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### *3.4. Trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện làm việc*

Trụ sở làm việc: Khu hành chính Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Đường 30/4, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị: Sử dụng các cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của Phòng Nội vụ và một phần của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã.

#### *3.5. Cơ chế tài chính cần thiết để bảo đảm cho tổ chức hành chính hoạt động sau khi được tổ chức lại*

Phòng Nội vụ thị xã là cơ quan nhà nước, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định. Bảo đảm các điều kiện làm việc và tổ chức phục vụ các hoạt động công tác theo yêu cầu.

#### *3.6. Mối quan hệ làm việc giữa các tổ chức hành chính liên quan*

Phòng Nội vụ thị xã thường xuyên giữ mối quan hệ công tác với các Sở ngành có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và có mối quan hệ phối hợp công tác với các phòng, ban thị xã; Ban Tổ chức Thị ủy, Văn phòng Thị ủy; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể thị xã; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị khác về các mặt công tác có liên quan để cung cấp thông tin, tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã lãnh đạo, quản lý điều hành theo thẩm quyền.

## **4. Tài sản và tài chính công**

### *4.1. Tài chính công*

- Các chỉ tiêu tài chính, tài sản công được chốt số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 (bao gồm cả thời gian chính lý đến ngày 31/01/2025) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước của Phòng Nội vụ và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

<sup>16</sup> Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

<sup>17</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Sau khi được tổ chức lại, Phòng Nội vụ sẽ tiếp nhận toàn bộ kinh phí được giao năm 2025 của Phòng Nội vụ và một phần kinh phí của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### 4.2. Tài sản công

- Tổng hợp, chốt số liệu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 (đến ngày 31/12/2024) theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công của Phòng Nội vụ và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ số lượng biên chế được cơ cấu lại, đơn vị thực hiện bố trí trụ sở làm việc phù hợp với điều kiện thực tế và theo hướng dẫn của cơ quan tài chính.

**III. HỢP NHẤT PHÒNG KINH TẾ VÀ PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐỔI TÊN THÀNH PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** (trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của Phòng Tài nguyên và Môi trường và tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ về Nông nghiệp và phát triển nông thôn từ Phòng Kinh tế và chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về giảm nghèo từ Phòng lao động - Thương binh và Xã hội).

### 1. Thực trạng Phòng Tài nguyên và Môi trường

#### 1.1. Chức năng, nhiệm vụ

Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; biển và hải đảo; đo đạc và bản đồ; biến đổi khí hậu. Phòng Tài nguyên và Môi trường có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân thị xã, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

#### 1.2. Cơ cấu tổ chức

Gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và 03 công chức chuyên môn.

#### 1.3. Biên chế

- Tổng số biên chế được giao năm 2025<sup>18</sup>: 06.

- Tổng số công chức hiện có mặt: 06.

#### 1.4. Về tài chính

Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan nhà nước, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định.

<sup>18</sup> Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu năm 2025.

Tổng dự toán được giao năm 2025<sup>19</sup> là 21.457.000.000 đồng (trong đó: kinh phí tự chủ: 1.200.000.000 đồng, kinh phí không tự chủ: 20.257.000.000 đồng).

### *1.5. Trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện làm việc*

Trụ sở làm việc: Số 10, đường Nguyễn Huệ, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, diện tích 552,9 m<sup>2</sup>, diện tích nhà 238,8 m<sup>2</sup>.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, gồm: 03 bộ máy vi tính, 03 máy tính xách tay, 07 máy in A4, 08 bộ bàn ghế làm việc, 02 bộ bàn ghế hội nghị, 02 bộ bàn ghế tiếp khách.

## **2. Thực trạng Phòng Kinh tế**

### *2.1. Chức năng, nhiệm vụ*

Phòng Kinh tế là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về: Nông nghiệp và phát triển nông thôn; thủy lợi; thủy sản; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, thủy sản; phòng, chống thiên tai; phát triển kinh tế hộ; kinh tế trang trại; kinh tế hợp tác xã nông nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề ở nông thôn; công thương; khoa học và công nghệ và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự uỷ quyền của Ủy ban nhân dân thị xã và theo quy định của pháp luật, bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành, lĩnh vực công tác ở địa phương.

Phòng Kinh tế có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân thị xã theo quy định pháp luật; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ.

### *2.2. Cơ cấu tổ chức*

Gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 04 công chức và 01 nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>20</sup>.

### *2.3. Biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động*

- Tổng số biên chế được năm 2025<sup>21</sup>: 08.

- Tổng số công chức hiện có mặt: 08.

### *2.4. Về tài chính*

Tổng dự toán được giao năm 2025<sup>22</sup> là 2.558.000.000đ (trong đó: kinh phí tự chủ là 1.760.000.000đ, kinh phí không tự chủ là 798.000.000đ).

<sup>19</sup> Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025.

<sup>20</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>21</sup> Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu năm 2025.



### 2.5. Trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện làm việc

Trụ sở làm việc: Khóm WáthPích, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 712,8 m<sup>2</sup>, diện tích nhà 304,08 m<sup>2</sup>.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị: 08 máy vi tính để bàn, 01 laptop, 06 máy in, 01 máy scan, 01 tủ lạnh, 01 bàn dài, 12 bàn làm việc, 20 ghế đai, 10 ghế nhựa, 04 tủ hồ sơ (gỗ), 03 tủ hồ sơ (sắt), 08 kệ hồ sơ.

### 3. Loại hình tổ chức sau khi tổ chức lại và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đơn vị

#### 3.1. Loại hình và tên gọi của tổ chức hành chính

- Loại hình tổ chức: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Tên gọi tổ chức: Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã Vĩnh Châu.

#### 3.2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức hành chính

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; biển và hải đảo; đo đạc và bản đồ; biến đổi khí hậu; nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối và giảm nghèo trên địa bàn thị xã.

Phòng Nông nghiệp và Môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được dự toán kinh phí để hoạt động và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

#### 3.3. Dự kiến cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch

##### a) Cơ cấu tổ chức

Gồm: 01 Trưởng phòng, 04 Phó Trưởng phòng<sup>23</sup>, 06 công chức chuyên môn, 02 viên chức (Ban giảm nghèo), 01 nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>24</sup>.

##### b) Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch theo vị trí việc làm

Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu cụ thể của Phòng Nông nghiệp và Môi trường được xác định cụ thể sau khi đơn vị ổn định tổ chức bộ máy và xây dựng vị

<sup>22</sup> Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025.

<sup>23</sup> Bổ trí sắp xếp giảm số lượng cấp phó trong 05 năm.

<sup>24</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

trí việc làm, cơ cấu ngạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP<sup>25</sup> và các Thông tư chuyên ngành.

### c) Biên chế

Phòng Nông nghiệp và Môi trường có 11 biên chế công chức, 02 viên chức và 01 hợp đồng lao động, trong đó: bao gồm 06 biên chế công chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường; 05 biên chế công chức của Phòng Kinh tế, 02 viên chức Ban giảm nghèo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, 01 nhân viên hợp đồng lao động thuộc Phòng Kinh tế.

#### *3.4. Trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện làm việc*

Trụ sở làm việc: Số 10, đường Nguyễn Huệ, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị: sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của Phòng Tài nguyên và Môi trường và Phòng Kinh tế.

#### *3.5. Cơ chế tài chính cần thiết để bảo đảm cho tổ chức hành chính hoạt động sau khi được thành lập*

Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã là cơ quan nhà nước, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định. Bảo đảm các điều kiện làm việc và tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực được phân công.

Năm 2025, tổng kinh phí phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã được giao là 21.457.000.000 đồng (trong đó: kinh phí tự chủ: 1.200.000.000 đồng, kinh phí không tự chủ: 20.257.000.000 đồng). Phòng Kinh tế được giao 2.558.000.000đ (trong đó: kinh phí tự chủ là 1.958.000.000đ, kinh phí không tự chủ là 600.000.000đ) và một phần kinh phí của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### *3.6. Mối quan hệ làm việc giữa các tổ chức hành chính liên quan*

Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã thường xuyên giữ mối quan hệ công tác với Sở Nông nghiệp và Môi trường; có mối quan hệ phối hợp công tác với các phòng, ban thị xã; Văn phòng Thị ủy; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể thị xã; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị khác về các mặt công tác có liên quan để cung cấp thông tin, tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã lãnh đạo, quản lý điều hành theo thẩm quyền.

## **4. Tài sản, tài chính công**

### *4.1. Tài chính công*

<sup>25</sup> Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức

- Các chỉ tiêu tài chính, tài sản công được chốt số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 (bao gồm cả thời gian chính lý đến ngày 31/01/2025) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Sau khi thành lập, sẽ tiếp nhận toàn bộ kinh phí được giao năm 2025 của Phòng Kinh tế và phòng Tài nguyên và Môi trường và một phần kinh phí của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### 4.2. Tài sản công

- Tổng hợp, chốt số liệu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 (đến ngày 31/12/2024) theo Luật Quản lý sử dụng tài sản công

- Căn cứ số lượng biên chế được cơ cấu lại tính toán lại trụ sở làm việc và theo hướng dẫn của cơ quan tài chính.

**IV. TỔ CHỨC LẠI VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ** *(trên cơ sở tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ về bảo trợ xã hội, chăm sóc trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội từ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).*

### 1. Thực trạng tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

#### 1.1. Thực trạng về cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và biên chế

- Về chức năng, nhiệm vụ: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức biên chế và công tác của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã; đồng thời, chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã tham mưu tổng hợp cho Hội đồng nhân dân thị xã và Ủy ban nhân dân thị xã về: Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã; kiểm soát thủ tục hành chính; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã và các cơ quan nhà nước ở địa phương; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thị xã; hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thị xã, chuyển hồ sơ đến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã giải quyết và nhận kết quả để trả cho cá nhân, tổ chức; thực hiện công tác đối ngoại địa phương; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về biên giới quốc gia trên biển; giúp Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa

bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số trên địa bàn.

## *1.2. Tổ chức, biên chế; tài chính; cơ sở vật chất và trang thiết bị*

### a) Về tổ chức, biên chế

Năm 2025, biên chế được giao là 13 công chức và 06 hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>26</sup> và được bố trí như sau:

- + Lãnh đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã: 04.
- + Bộ phận Nghiên cứu - Tổng hợp: 05.
- + Bộ phận Hành chính - Quản trị: 02.
- + Bộ phận Tiếp công dân: 01.
- + Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính: 01.
- + Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>27</sup>: 06.

### b) Về tài chính và cơ chế tài chính

Tổng kinh phí được giao năm 2025<sup>28</sup> là 8.390.000.000 đồng (trong đó: kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: 5.217.000.000 đồng, kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 3.173.000.000 đồng).

### c) Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

Cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã quản lý gồm: trụ sở chính diện tích sàn xây dựng khoảng 1.500 mét vuông (1 trệt, 2 lầu), có 02 phương tiện xe ô tô (loại 5 chỗ và loại 07 chỗ), 24 bộ máy vi tính để bàn, 08 máy tính xách tay và 03 máy photo.

## **2. Loại hình tổ chức sau khi tổ chức lại**

### *2.1. Loại hình và tên gọi của tổ chức hành chính*

- Loại hình tổ chức: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Tên gọi tổ chức: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

### *2.2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức hành chính*

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức biên chế và công tác của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã; đồng thời, chịu

<sup>26</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>27</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>28</sup> Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025.

sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã tham mưu tổng hợp cho Hội đồng nhân dân thị xã và Ủy ban nhân dân thị xã về: Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã; kiểm soát thủ tục hành chính; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã và các cơ quan nhà nước ở địa phương; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thị xã; hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thị xã, chuyển hồ sơ đến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã giải quyết và nhận kết quả để trả cho cá nhân, tổ chức. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác đối ngoại địa phương; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về biên giới quốc gia trên biển; quản lý nhà nước về Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, chăm sóc trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội.

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được dự toán kinh phí để hoạt động và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

*2.3. Dự kiến cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch*

a) Cơ cấu tổ chức

+ Lãnh đạo Văn phòng: Chánh Văn phòng và 03 Phó Chánh Văn phòng.

+ Bộ phận nghiệp vụ chia làm 03 bộ phận chính: Bộ phận Nghiên cứu - Tổng hợp, Bộ phận Hành chính - Quản trị - Tiếp công dân, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả và Cổng thông tin điện tử.

b) Về biên chế

Sau khi được tổ chức lại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã có 14 biên chế công chức và 06 hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>29</sup> và được bố trí như sau:

+ Lãnh đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã: 04.

+ Bộ phận Nghiên cứu - Tổng hợp: 06.

+ Bộ phận Hành chính - Quản trị - Tiếp công dân: 03.

<sup>29</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính: 01.

+ Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>30</sup>: 06.

#### 2.4. Trụ sở làm việc, trang thiết bị

Trụ sở làm việc: Khu hành chính Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Đường 30/4, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị: Sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã.

Sau khi thực hiện tổ chức lại, các trang thiết bị của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (phục vụ cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, chăm sóc trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội) sẽ được chuyển giao về Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã (nếu có).

#### 2.5. Cơ chế tài chính

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã là cơ quan nhà nước, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định. Bảo đảm các điều kiện làm việc và tổ chức phục vụ các hoạt động công tác theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã.

Năm 2025, tổng kinh phí Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã được giao là 8.390.000.000 đồng (trong đó: kinh phí thực hiện chế độ tự chủ 5.217.000.000 đồng, kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 3.173.000.000 đồng). Tổng kinh phí được giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội ( phục vụ cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, chăm sóc trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội: 54.800.000.000 đồng (Trong đó: chi cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, chăm sóc trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội là: 48.500.000.000 đồng và các hoạt động xã hội khác 1.668.000.000 đồng). Sau khi sáp nhập, phần kinh phí của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (phục vụ cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, chăm sóc trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội) sẽ được thực hiện theo quy định về quản lý và sử dụng tài chính.

#### 2.6. Mối quan hệ làm việc giữa các tổ chức hành chính liên quan

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã thường xuyên giữ mối quan hệ công tác với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Y tế; có mối quan hệ phối hợp công tác với các phòng, ban thị xã; Văn phòng Thị ủy; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể thị xã; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị khác về các mặt công tác có liên quan để cung cấp thông tin, giúp việc cho Hội đồng nhân dân, tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã lãnh đạo, quản lý điều hành theo thẩm quyền.

<sup>30</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

### 3. Tài sản, tài chính công

Trụ sở làm việc: Khu hành chính Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Đường 30/4, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị: Sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã.

Cơ sở vật chất hiện có thuộc 01 Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã quản lý gồm: trụ sở chính diện tích sàn xây dựng khoảng 1.500 mét vuông (1 trệt, 2 lầu), có 02 phương tiện xe ô tô (loại 5 chỗ và loại 07 chỗ).

Trụ sở tiếp công dân, tiếp nhận và trả kết quả theo mô hình “một cửa” thị xã Vĩnh Châu: 10 bộ máy vi tính, 02 máy tính xách tay và 01 máy photo.

Cơ sở vật chất thuộc tổ hành chính, tổ nghiên cứu, gồm: máy vi tính 14 bộ, máy tính xách tay 6 máy, máy photo: 02 máy.

Năm 2025, tổng kinh phí Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã được giao là 8.390.000.000 đồng (trong đó: kinh phí thực hiện chế độ tự chủ 5.217.000.000 đồng, kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 3.173.000.000 đồng). Tổng kinh phí được giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội ( phục vụ cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, chăm sóc trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội: 54.800.000.000 đồng (trong đó: chi cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, chăm sóc trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội là: 48.500.000.000 đồng và các hoạt động xã hội khác 1.668.000.000 đồng).

Sau khi sáp nhập, phần kinh phí và các trang thiết bị của của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (phục vụ cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, chăm sóc trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội) sẽ được thực hiện theo quy định về quản lý và sử dụng tài chính.

**V. TỔ CHỨC LẠI PHÒNG DÂN TỘC THÀNH PHÒNG DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO** *(trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của Phòng Dân tộc và tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về Tôn giáo của Phòng Nội vụ).*

#### 1. Thực trạng tổ chức và hoạt động Phòng Dân tộc

##### 1.1. Về chức năng, nhiệm vụ

Phòng Dân tộc thị xã Vĩnh Châu là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc; xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; là cơ quan Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

##### 1.2. Về cơ cấu tổ chức

Gồm: 01 Trưởng phòng và 02 công chức chuyên môn.

##### 1.3. Về biên chế

Tổng số chỉ tiêu biên chế được giao năm 2025: 03.

Tổng số biên chế công chức hiện có: 03.

#### *1.4. Về tài chính*

Tổng kinh phí được giao năm 2025<sup>31</sup> là 746.000.000 đồng (trong đó: kinh phí tự chủ: 591.000.000 đồng, kinh phí không tự chủ: 155.000.000 đồng).

## **2. Loại hình tổ chức sau khi tổ chức lại**

### *2.1. Loại hình*

Là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

### *2.2. Tên gọi của tổ chức hành chính*

Phòng Dân tộc và Tôn giáo thị xã Vĩnh Châu.

### *2.3. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức hành chính*

Phòng Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo trên địa bàn thị xã.

Phòng Dân tộc và Tôn giáo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản; chấp hành chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng.

### *2.4. Dự kiến cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch*

#### a) Cơ cấu tổ chức

Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 02 công chức.

#### b) Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch theo vị trí việc làm

Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu cụ thể của Phòng Dân tộc và Tôn giáo được xác định cụ thể sau khi đơn vị ổn định tổ chức bộ máy và xây dựng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP<sup>32</sup> và các Thông tư chuyên ngành.

#### c) Biên chế

Phòng Dân tộc và Tôn giáo gồm: 04 biên chế công chức, trong đó: bao gồm 03 biên chế công chức của Phòng Dân tộc; tiếp nhận 01 biên chế công chức từ Phòng Nội vụ.

### *2.5. Trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện làm việc*

<sup>31</sup> Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025.

<sup>32</sup> Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức



a) Trụ sở làm việc

Trụ sở làm việc: Khu hành chính Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Đường 30/4, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

b) Trang thiết bị, phương tiện làm việc

Cơ sở vật chất, trang thiết bị: Sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của Phòng Dân tộc thị xã.

Sau khi thực hiện tổ chức lại, các trang thiết bị của Phòng Nội vụ (sử dụng cho chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về tôn giáo) sẽ được chuyển giao về Phòng Dân tộc thị xã.

*2.6. Cơ chế tài chính cần thiết để bảo đảm cho tổ chức hành chính hoạt động sau khi được thành lập*

Phòng Dân tộc và Tôn giáo thị xã là cơ quan nhà nước, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định. Bảo đảm các điều kiện làm việc và tổ chức phục vụ các hoạt động công tác theo yêu cầu.

*2.7. Mối quan hệ làm việc giữa các tổ chức hành chính liên quan*

Phòng Dân tộc và Tôn giáo thị xã thường xuyên giữ mối quan hệ công tác với Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh; phối hợp công tác với các phòng, ban ngành và các tổ chức chính trị đoàn thể trên địa bàn thị xã; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị khác về các mặt công tác có liên quan để cung cấp thông tin, giúp việc cho Ủy ban nhân dân thị xã lãnh đạo, quản lý điều hành theo thẩm quyền.

### **3. Tài sản, tài chính công**

*3.1. Tài chính công*

- Các chỉ tiêu tài chính, tài sản công được chốt số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 (bao gồm cả thời gian chính lý đến ngày 31/01/2025) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước của Phòng Dân tộc, Phòng Nội vụ.

- Sau khi thành lập, sẽ tiếp nhận toàn bộ kinh phí được giao năm 2025 của Phòng Dân tộc và một phần kinh phí của Phòng Nội vụ.

*3.2. Tài sản công*

- Tổng hợp, chốt số liệu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 (đến ngày 31/12/2024) theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Căn cứ số lượng biên chế được cơ cấu lại, đơn vị thực hiện bố trí trụ sở làm việc phù hợp với điều kiện thực tế và theo hướng dẫn của cơ quan tài chính.

**VI. TỔ CHỨC LẠI PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** (trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo và tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ

*tham mưu quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp từ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).*

## **1. Thực trạng tổ chức và hoạt động**

### *1.1. Chức năng, nhiệm vụ*

Phòng Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thực hiện chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thị xã quản lý nhà nước về giáo dục ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã.

Phòng Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thị xã, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định khác của Sở Giáo dục và Đào tạo.

### *1.2. Cơ cấu tổ chức*

Gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 04 công chức và 01 hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>33</sup>.

### *1.3. Biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động*

- Tổng số biên chế công chức được giao năm 2025<sup>34</sup>: 07 và 01 hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>35</sup>

- Tổng số biên chế công chức hiện có mặt: 07 và 01 hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>36</sup>.

### *1.4. Tài chính*

Tổng dự toán được giao năm 2025<sup>37</sup> là 2.775.000.000 đồng (trong đó: kinh phí tự chủ: 1.660.000.000 đồng, kinh phí không tự chủ: 1.115.000.000 đồng).

### *1.5. Trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện làm việc*

Trụ sở làm việc: Đường 30/4, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

<sup>33</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>34</sup> Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu năm 2025.

<sup>35</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>36</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>37</sup> Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị: 03 bộ máy vi tính để bàn, 04 máy in, 02 máy scan, 01 máy photocopy, 05 máy tính xách tay, 07 bộ bàn làm việc, 01 bộ bàn ghế hội trường, 02 bộ bàn ghế tiếp khách, 05 tủ, kệ đựng hồ sơ lưu trữ.

## **2. Loại hình tổ chức sau khi tổ chức lại**

### *2.1. Loại hình*

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

### *2.2. Tên gọi của tổ chức hành chính*

Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Vĩnh Châu.

### *2.3. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức hành chính*

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã.

Phòng Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thị xã, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định khác của Sở Giáo dục và Đào tạo.

### *2.4. Dự kiến cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức theo vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức theo ngạch*

#### a) Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo phòng: 01 Trưởng phòng và 02 Phó Trưởng phòng.
- Công chức thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ: 04 công chức.
- Nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>38</sup>: 01 người.

#### b) Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch theo vị trí việc làm

Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu cụ thể của Phòng Giáo dục và Đào tạo được xác định cụ thể sau khi đơn vị ổn định tổ chức bộ máy và xây dựng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP<sup>39</sup> và các Thông tư chuyên ngành.

#### c) Biên chế

Gồm: 07 biên chế công chức, trong đó: bao gồm 07 biên chế công chức và 01 hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP<sup>40</sup>.

<sup>38</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>39</sup> Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

<sup>40</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

### *2.5. Trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện làm việc*

Trụ sở làm việc: Đường 30/4, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị: sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã.

### *2.6. Cơ chế tài chính cần thiết để bảo đảm cho tổ chức hành chính hoạt động sau khi được thành lập*

Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã là cơ quan nhà nước, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định. Bảo đảm các điều kiện làm việc và tổ chức phục vụ các hoạt động công tác theo yêu cầu.

Năm 2025, tổng kinh phí Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã được giao là 2.775.000.000 đồng (trong đó: kinh phí tự chủ: 1.660.000.000 đồng, kinh phí không tự chủ: 1.115.000.000 đồng).

### *2.7. Mối quan hệ làm việc giữa các tổ chức hành chính liên quan*

Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã thường xuyên giữ mối quan hệ công tác với Sở Giáo dục và Đào tạo; có mối quan hệ phối hợp công tác với các phòng, ban thị xã; Văn phòng Thị ủy; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể thị xã; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị khác về các mặt công tác có liên quan để cung cấp thông tin, tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã lãnh đạo, quản lý điều hành theo thẩm quyền.

## **3. Tài sản, tài chính công**

### *3.1. Tài chính công*

- Các chỉ tiêu tài chính, tài sản công được chốt số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 (bao gồm cả thời gian chỉnh lý đến ngày 31/01/2025) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Sau khi thành lập, sẽ tiếp nhận toàn bộ kinh phí được giao năm 2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo và một phần kinh phí tự chủ của Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội (nếu có).

### *3.2. Tài sản công*

- Tổng hợp, chốt số liệu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 (đến ngày 31/12/2024) theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Giữ nguyên trụ sở làm việc của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

**VII. TỔ CHỨC LẠI PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN THÀNH PHÒNG VĂN HÓA, KHOA HỌC VÀ THÔNG TIN** (*trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của Phòng Văn hóa và Thông tin và tiếp nhận lĩnh vực khoa học và công nghệ của Phòng Kinh tế thị xã Vĩnh Châu*).

**1. Thực trạng tổ chức và hoạt động Phòng Văn hóa và Thông tin**

*1.1. Chức năng, nhiệm vụ*

Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo; báo chí; xuất bản, in và phát hành; phát thanh; thông tin điện tử; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin; chuyển đổi số trên địa bàn (sau đây gọi tắt là thông tin và truyền thông) thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã và theo quy định của pháp luật.

Phòng Văn hóa và Thông tin có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân thị xã, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông.

*1.2. Cơ cấu tổ chức*

Gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và 03 công chức.

*1.3. Biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động*

- Tổng số biên chế công chức được giao năm 2025<sup>41</sup>: 06

- Tổng số công chức có mặt: 06

*1.4. Tài chính*

Tổng dự toán được giao năm 2025<sup>42</sup> là 1.234.000.000 đồng (trong đó: kinh phí tự chủ: 1.223.000.000 đồng, kinh phí không tự chủ: 11.000.000 đồng).

*1.5. Trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện làm việc*

Trụ sở làm việc: Khu hành chính Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Đường 30/4, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, có diện tích 117 m<sup>2</sup>.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị gồm 06 bộ máy vi tính, 06 bộ bàn làm việc, 01 bàn họp, 02 tủ đựng hồ sơ.

**2. Loại hình tổ chức sau khi tổ chức lại**

*2.1. Loại hình*

<sup>41</sup> Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu năm 2025.

<sup>42</sup> Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

## *2.2. Tên gọi của tổ chức hành chính*

Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin thị xã Vĩnh Châu.

## *2.3. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức hành chính*

Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin thị xã là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo; báo chí; xuất bản, in và phát hành; phát thanh; thông tin điện tử; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin; chuyển đổi số; khoa học công nghệ trên địa bàn thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã và theo quy định của pháp luật.

Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được dự toán kinh phí để hoạt động và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

## *2.4. Dự kiến cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch*

### a) Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo phòng: 01 Trưởng phòng và 02 Phó Trưởng phòng.
- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ: 04 công chức.

### b) Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch theo vị trí việc làm

Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu cụ thể của Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin được xác định cụ thể sau khi đơn vị ổn định tổ chức bộ máy và xây dựng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP<sup>43</sup> và các Thông tư chuyên ngành.

### c) Biên chế

Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin gồm: 07 biên chế công chức, trong đó: bao gồm 06 biên chế công chức thuộc Phòng Văn hóa và Thông tin và tiếp nhận 01 biên chế công chức thuộc Phòng Kinh tế.

## *2.5. Trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện làm việc*

Trụ sở làm việc: Khu hành chính Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Đường 30/4, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị: Sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã và trang thiết bị (thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ) từ Phòng Kinh tế.

## *2.6. Cơ chế tài chính cần thiết để bảo đảm cho tổ chức hành chính hoạt động sau khi được thành lập*

<sup>43</sup> Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức

Phòng Văn hóa, Khoa học và Công Nghệ thị xã là cơ quan nhà nước, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định. Bảo đảm các điều kiện làm việc và tổ chức phục vụ các hoạt động công tác theo yêu cầu.

Năm 2025, tổng kinh phí phòng Văn hóa và Thông tin thị xã được giao là 1.234.000.000 đồng (trong đó: kinh phí tự chủ: 1.223.000.000 đồng, kinh phí không tự chủ: 11.000.000 đồng).

### *2.7. Mọi quan hệ làm việc giữa các tổ chức hành chính liên quan*

Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin thị xã thường xuyên giữ mối quan hệ công tác với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ; có mối quan hệ phối hợp công tác với các phòng, ban thị xã; Văn phòng Thị ủy; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể thị xã; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị khác về các mặt công tác có liên quan để cung cấp thông tin, tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã lãnh đạo, quản lý điều hành theo thẩm quyền.

## **3. Tài sản, tài chính công**

### *3.1. Tài sản công*

- Tổng hợp, chốt số liệu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 (đến ngày 31/12/2024) theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Căn cứ số lượng biên chế được cơ cấu lại tính toán lại trụ sở làm việc và theo hướng dẫn của cơ quan tài chính.

### *3.2. Tài chính công*

- Các chỉ tiêu tài chính, tài sản công được chốt số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 (bao gồm cả thời gian chính lý đến ngày 31/01/2025) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Sau khi thành lập, sẽ tiếp nhận toàn bộ kinh phí được giao năm 2025 của phòng Văn hóa và Thông tin và một phần kinh phí tự chủ của Phòng Kinh tế.

- Báo cáo các dự án đối với phòng được giao làm chủ đầu tư chưa hoàn thành/chưa quyết toán.

**VIII. TỔ CHỨC LẠI PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THÀNH PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ** *(trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của Phòng Quản lý đô thị và tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại từ Phòng Kinh tế).*

## **1. Thực trạng tổ chức và hoạt động Phòng Quản lý đô thị**

### *1.1. Chức năng, nhiệm vụ*

Phòng Quản lý đô thị là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển

đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; giao thông vận tải và các lĩnh vực khác được giao theo quy định của pháp luật trên địa bàn thị xã.

Phòng Quản lý đô thị có con dấu, có tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân thị xã, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng của Sở Xây dựng và ngành giao thông vận tải thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Sóc Trăng.

### *1.2. Cơ cấu tổ chức*

Gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và 03 công chức.

### *1.3. Biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động*

- Tổng số biên chế công chức được giao năm 2025<sup>44</sup>: 06.

- Tổng số công chức có mặt: 06.

### *1.4. Tài chính*

Tổng dự toán được giao năm 2025<sup>45</sup> là 34.146.000.000 đồng (trong đó: kinh phí tự chủ: 1.135.000.000 đồng, kinh phí không tự chủ: 33.011.000.000 đồng).

### *1.5. Trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện làm việc*

Trụ sở làm việc: Khu hành chính Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Đường 30/4, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, có diện tích 117 m<sup>2</sup>.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị gồm 06 bộ máy vi tính, 06 bộ bàn ghế làm việc, 01 bàn họp, 03 tủ đựng hồ sơ.

## **2. Loại hình tổ chức sau khi tổ chức lại**

### *2.1. Loại hình*

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

### *2.2. Tên gọi của tổ chức hành chính*

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thị xã Vĩnh Châu.

### *2.3. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức hành chính*

<sup>44</sup> Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu năm 2025.

<sup>45</sup> Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025.



Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trù nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại trên địa bàn.

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được dự toán kinh phí để hoạt động và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

*2.4. Dự kiến cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch*

a) Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo phòng: 01 Trưởng phòng và 02 Phó Trưởng phòng.
- Công chức thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ: 04 công chức.

b) Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch theo vị trí việc làm

Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu cụ thể của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị được xác định cụ thể sau khi đơn vị ổn định tổ chức bộ máy và xây dựng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP<sup>46</sup> và các Thông tư chuyên ngành.

c) Biên chế

Gồm: 07 biên chế, trong đó: gồm 06 biên chế của Phòng Quản lý Đô thị và tiếp nhận 01 biên chế công chức thuộc Phòng Kinh tế.

*2.5. Trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện làm việc*

Trụ sở làm việc: Khu hành chính Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Đường 30/4, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị: Sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của Phòng Quản lý đô thị và trang thiết bị (thực hiện nhiệm vụ công thương) từ Phòng Kinh tế.

*2.6. Cơ chế tài chính cần thiết để bảo đảm cho tổ chức hành chính hoạt động sau khi được thành lập*

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thị xã là cơ quan nhà nước, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định. Bảo đảm các điều kiện làm việc và tổ chức phục vụ các hoạt động công tác theo yêu cầu.

<sup>46</sup> Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức

Năm 2025, tổng kinh phí phòng Quản lý đô thị thị xã được giao là 34.146.000.000 đồng (trong đó: kinh phí tự chủ: 1.135.000.000 đồng, kinh phí không tự chủ: 33.011.000.000 đồng). Phòng Kinh tế được giao 2.558.000.000đ (trong đó: kinh phí tự chủ là 1.958.000.000đ, kinh phí không tự chủ là 600.000.000đ).

### *2.7. Mối quan hệ làm việc giữa các tổ chức hành chính liên quan*

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thị xã thường xuyên giữ mối quan hệ công tác với Sở Xây dựng, Sở Công thương; có mối quan hệ phối hợp công tác với các phòng, ban thị xã; Văn phòng Thị ủy; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể thị xã; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị khác về các mặt công tác có liên quan để cung cấp thông tin, tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã lãnh đạo, quản lý điều hành theo thẩm quyền.

## **3. Tài sản, tài chính công**

### *3.1. Tài chính công*

- Các chỉ tiêu tài chính, tài sản công được chốt số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 (bao gồm cả thời gian chính lý đến ngày 31/01/2025) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Sau khi thành lập, sẽ tiếp nhận toàn bộ kinh phí được giao năm 2025 của phòng Quản lý đô thị và một phần kinh phí tự chủ của Phòng Kinh tế.

- Báo cáo các dự án đối với phòng được giao làm chủ đầu tư chưa hoàn thành/chưa quyết toán.

### *3.2. Tài sản công*

- Tổng hợp, chốt số liệu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 (đến ngày 31/12/2024) theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Căn cứ số lượng biên chế được cơ cấu lại, đơn vị thực hiện bố trí trụ sở làm việc phù hợp với điều kiện thực tế và theo hướng dẫn của cơ quan tài chính.

*(Đính kèm Phụ lục 1 “danh mục vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch” và Phụ lục 2 ).*

## **C. HIỆU QUẢ CỦA VIỆC TỔ CHỨC LẠI**

- Về cơ cấu tổ chức: Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu có 10 cơ quan chuyên môn, gồm: (1) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; (2) Thanh tra; (3) Nội vụ; (4) Tài chính - Kế hoạch; (5) Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; (6) Dân tộc và Tôn giáo; (7) Nông nghiệp và Môi trường; (8) Văn hóa, Khoa học và Thông tin; (9) Tư pháp; (10) Giáo dục và Đào tạo. Giảm 02 cơ quan chuyên môn, gồm: (1) Lao động - Thương binh và Xã hội; (2) Kinh tế.

- Về biên chế: 84 biên chế công chức và 10 nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>47</sup>. Giảm 02 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng; hướng đến giảm 02 Phó Trưởng phòng và cơ cấu lại biên chế công chức theo tình hình mới.

### **PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Sau khi Đề án được Ban Thường vụ Thị ủy thống nhất, Ủy ban nhân dân thị xã trình Hội đồng nhân dân thị xã xem xét, quyết định tổ chức lại các cơ quan chuyên môn theo quy định.

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện việc sắp xếp, tổ chức bộ máy. Xây dựng, hoàn chỉnh dự thảo các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của cơ quan trình Ủy ban nhân dân thị xã ban hành theo thẩm quyền.

Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện các nội dung liên quan đến biên chế, tài chính của các cơ quan chuyên môn sau khi Đề án được thống nhất, triển khai.

Trên đây là nội dung Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu thay thế Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 09/01/2025 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu./.

***Nơi nhận:***

- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- TT Thị ủy;
- TT HĐND;
- Chủ tịch và các PCT.UBND;
- Ban Tổ chức Thị ủy;
- Các cơ quan chuyên môn;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Liêm**

<sup>47</sup> Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu năm 2025.